

Số: 478/KH-UBND

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 11 năm 2018

KẾ HOẠCH

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Bắc Kạn năm 2018 - 2019

Thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp; Chỉ thị số 07/CT-TTg, ngày 05/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Đề án Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020. Trong năm 2016 - 2017, UBND tỉnh Bắc Kạn đã tích cực, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, kịp thời ban hành quyết định, kế hoạch hành động nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo sự đồng thuận của các cấp ngành, địa phương, nhất là đội ngũ doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Bắc Kạn vẫn ở nhóm thấp; tính tổng điểm năm 2017, tỉnh Bắc Kạn được đánh giá đạt 58,82 điểm, tăng 4,22 điểm và tăng 01 bậc so với năm 2016, đứng ở vị trí 59/63 tỉnh, thành phố. Cụ thể:

- Có 5 chỉ số thành phần tăng điểm gồm: Tính minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo lao động và thiết chế pháp lý.

- Có 5 chỉ số thành phần giảm điểm gồm: Gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, tính năng động.

Nguyên nhân chủ quan là:

+ Lãnh đạo một số sở, ngành, địa phương chưa quyết liệt trong triển khai thực hiện Đề án PCI của tỉnh; chưa tích cực và chủ động trực tiếp giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp theo thẩm quyền; việc đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ và phân định rõ trách nhiệm cụ thể cho tập thể, cá nhân trong việc cải thiện và nâng cao từng chỉ số thành phần PCI chưa triệt để, chưa sâu sát.

+ Việc cung cấp, chia sẻ thông tin, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh khi giải quyết thủ tục hành chính, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp còn chưa thực sự chặt chẽ và hiệu quả; một số thủ tục hành chính trong quá trình giải quyết có liên quan đến nhiều sở, ngành giải quyết nên việc giải quyết hồ sơ còn chậm hạn theo quy định; công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4 ở một số lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp còn chậm.

+ Vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh trong

xây dựng và phản biện chính sách còn thấp, chưa mang tính đại diện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động. Trình độ quản lý, sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn còn hạn chế, nhất là việc sử dụng công nghệ hiện đại để tiếp cận thông tin, ứng dụng khoa học vào quản trị doanh nghiệp.

Để tạo bước chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh và cải thiện chỉ số PCI của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Bắc Kạn năm 2018 - 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cải thiện chỉ số PCI cấp tỉnh là một nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, động lực cốt lõi thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh, bền vững, là cơ sở củng cố niềm tin, tăng cường sự đồng thuận của các cấp, ngành, địa phương, nhất là các doanh nghiệp, hợp tác xã và nhân dân trong tỉnh. Vì vậy, năm 2018 - 2019, mục tiêu phấn đấu cải thiện điểm số của 10 chỉ số thành phần, khắc phục và cải thiện mạnh mẽ hạn chế của 05 chỉ số bị giảm điểm năm 2017, phấn đấu năm 2019 đạt điểm số PCI trên 64 điểm, nâng dần vị trí xếp hạng PCI của tỉnh, tăng từ 5 - 10 bậc.

2. Yêu cầu

- Quán triệt về tư tưởng, nhận thức để tạo sự chuyển biến mạnh trong đội ngũ cán bộ, công chức về thái độ, trách nhiệm, tác phong thực hiện công vụ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp thân thiện, trách nhiệm.

- Việc cải thiện điểm số và xếp hạng mỗi chỉ số thành phần của chỉ số PCI được giao cho một đơn vị là đầu mối chủ trì theo dõi tổng hợp, các đơn vị khác phối hợp thực hiện. Các đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp tốt với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về các chỉ tiêu thành phần thuộc lĩnh vực của cấp, ngành mình phụ trách.

II. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Cải thiện chỉ số “Gia nhập thị trường”:

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện chỉ số “Gia nhập thị trường”, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục I - Phụ lục.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh rút ngắn thời gian trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xuống còn 02 ngày làm việc, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp dưới 03 ngày làm việc. Niêm yết đầy đủ, công khai các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Nâng cao trình độ chuyên môn, thái độ làm việc của cán bộ thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng, từ tháng 11/2018 cấp đăng ký doanh nghiệp mới, thay đổi qua mạng đạt tối thiểu 60% số

hồ sơ. Phối hợp với các chi nhánh ngân hàng trên địa bàn tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp thực hiện mở tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

- Phối hợp với Cục Thuế, các cơ quan liên quan hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục sau khi đăng ký thành lập (kê khai, đăng ký nộp thuế; điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện,...), đảm bảo tỷ lệ dưới 10% doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức đi vào hoạt động.

- Phối hợp với các ngành liên quan thẩm định hồ sơ dự án trong 12 ngày làm việc và trình cấp quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; nâng cao chất lượng thẩm tra, tham mưu cho UBND tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư nhằm hạn chế các trường hợp phải thu hồi, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư.

b) Các sở, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính, công bố công khai, minh bạch các thủ tục hành chính, biểu mẫu trên cổng thông tin điện tử, website của các đơn vị để doanh nghiệp có thể tra cứu, tham khảo, tải về, điền thông tin theo yêu cầu.

2. Cải thiện chỉ số “Tiếp cận đất đai”:

a) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện điểm chỉ số thành phần “Tiếp cận đất đai”, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục II - Phụ lục.

- Tổng hợp danh mục các dự án phải thu hồi đất, các dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định. Thường xuyên theo dõi, cập nhật biến động về giá đất trên thị trường, kịp thời đề xuất, xây dựng điều chỉnh bảng giá đất theo quy định

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thực hiện tốt công tác định giá đất cụ thể bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, sát với giá thị trường. Tập trung cùng các huyện, thành phố tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh. Tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành địa phương giúp đỡ doanh nghiệp trong thực hiện thỏa thuận bồi thường về đất.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và Thanh tra tỉnh xây dựng cơ chế và triển khai công tác giám sát chất lượng, thái độ công vụ của cán bộ, công chức; yêu cầu giảm mạnh tỷ lệ doanh nghiệp phản nản tình trạng trả chi phí không chính thức trong thủ tục hành chính về đất đai.

b) Sở Xây dựng tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc công bố công khai quy hoạch cho các tổ chức, doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện quy hoạch. Tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin quy hoạch giữa Sở Xây dựng và các huyện, thành phố.

c) UBND các huyện, thành phố:

- Công khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2015-2020 trên Cổng thông tin điện tử của huyện, thành phố, tại trụ sở UBND các huyện, thành phố và các hình thức công khai khác nhằm minh bạch hóa việc tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Rà soát, thống kê và đề xuất thu hồi hoặc thu hồi đất (theo thẩm quyền) của các dự án không triển khai theo quy định của pháp luật.

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án cũng như tạo nhiều quỹ đất sạch có sẵn để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận.

3. Cải thiện chỉ số “Tính minh bạch”:

a) Giao Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện điểm chỉ số thành phần “Tính minh bạch”, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục III - Phụ lục.

- Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc tăng cường, nâng cao chất lượng hoạt động trang thông tin điện tử của tỉnh, của các sở, ngành và địa phương; tăng cường, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân, doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong thời gian tới.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố công khai 100% thông tin, tài liệu (trừ tài liệu mật): Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch; các văn bản quy phạm pháp luật, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới, các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh,... Công khai quy trình, thủ tục hành chính và các biểu mẫu hướng dẫn bằng nhiều hình thức: Niêm yết tại trụ sở, đưa lên trang thông tin điện tử; các biểu mẫu hướng dẫn phải đúng quy định, đầy đủ, dễ thực hiện và thường xuyên được cập nhật. Doanh nghiệp chỉ phải thực hiện đúng những quy định đã được công bố công khai. Tăng tính hữu ích của Cổng thông tin điện tử tỉnh và website của các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố trong công khai minh bạch các loại thông tin, tài liệu. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tăng cường thông tin, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tích cực tham gia phản biện, góp ý và mở rộng các kênh tiếp nhận các ý kiến phản biện, góp ý của người dân và doanh nghiệp.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên rà soát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chỉ số PCI còn yếu kém trong bảng xếp hạng để báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp khắc phục.

c) Cục Thuế tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác công khai, minh bạch thủ tục hành chính và chính sách về thuế, nhất là chính sách giảm thuế, giãn thuế cho doanh nghiệp, đa dạng hình thức hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cập nhật kịp thời các chính sách thuế và thực hiện đúng quy định; tiếp tục xây dựng môi

trường quản lý thuế điện tử trong hệ thống thuế và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử ngành thuế như: Khai thuế, nộp thuế điện tử; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cải cách thủ tục hành chính ngành thuế; khuyến khích người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử và áp dụng hoàn thuế qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế.

d) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố công khai minh bạch các chính sách hỗ trợ với cộng đồng doanh nghiệp thông qua Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Công bố tài liệu về quy hoạch, kế hoạch, tài liệu ngân sách, thủ tục hành chính đã được phê duyệt. Các cơ quan chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp lấy ý kiến doanh nghiệp bằng hình thức phù hợp trong việc tham gia xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh.

e) Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh đẩy mạnh phát triển hội viên, phát huy vai trò tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc chuyển tải thông tin hai chiều giữa cộng đồng doanh nghiệp với cơ quan nhà nước; tổng hợp tiếng nói của doanh nghiệp đến với các cấp chính quyền; là đầu mối để các doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, liên kết tạo sức cạnh tranh trên thị trường và hội nhập quốc tế.

4. Cải thiện chỉ số “Chi phí thời gian”:

a) Giao Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện điểm chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Thực hiện nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục IV - Phụ lục.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính để có bước đột phá trong giải quyết thủ tục hành chính so với quy định. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” tại tất cả các sở, ban, ngành và UBND các cấp, đảm bảo cải cách hành chính mang lại hiệu quả thiết thực và sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp.

b) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu chỉ đạo chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; ngăn chặn tình trạng nhũn nhũn, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân của cán bộ, công chức. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

c) Thanh tra tỉnh và Thanh tra các sở, ngành, các huyện, thành phố phối hợp chặt chẽ, thống nhất chương trình thanh tra hàng năm đối với doanh nghiệp theo đúng Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; mỗi năm, một doanh nghiệp chỉ phải tiếp, làm việc với một đoàn thanh tra, trừ trường hợp thanh tra đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Giảm phiền hà và gánh nặng thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo đúng các văn bản chỉ đạo của tỉnh; xây dựng kênh thông tin tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về tổ chức hành vi nhũn nhũn, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Công khai kế hoạch thanh, kiểm tra hàng năm đối với doanh nghiệp trên Cổng

thông tin điện tử tỉnh và Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh.

d) Các Sở, ngành: Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Thuế, Hải quan, Bảo hiểm xã hội, Điện lực,... tập trung chỉ đạo rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp, hướng tới đạt những chỉ tiêu đề ra theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ.

5. Cải thiện chỉ số “Chi phí không chính thức”:

a) Giao Sở Nội vụ là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện chỉ số “Chi phí không chính thức”, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục V - Phụ lục.

- Mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trách nhiệm đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là những công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận, trả kết quả và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

- Tăng cường công tác thanh tra và thường xuyên kiểm tra đột xuất việc tiếp nhận, trả kết quả và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân, trọng tâm là các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng và đăng ký kinh doanh để kịp thời phát hiện công chức, viên chức có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Phối hợp với Thanh tra tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tạo kênh thông tin phản hồi thường xuyên về các hiện tượng cán bộ, công chức, viên chức nhũng nhiễu để đảm bảo quyền lợi của cộng đồng doanh nghiệp và đơn vị tổ cáo, khiếu nại.

b) Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố:

- Thường xuyên chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan.

- Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan.

- Công khai thông tin đường dây nóng tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính. Thông báo công khai hằng tuần thông tin tiếp nhận và kết quả phản hồi qua đường dây nóng của các đơn vị.

- Công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, thủ tục hành chính để đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp chỉ phải thực hiện những yêu cầu đúng như đã được niêm yết công khai.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua phần mềm một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích; tăng cường công tác tuyên truyền về phần mềm một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến

mức độ cao 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để tổ chức, cá nhân biết, đến giao dịch.

- Đẩy mạnh minh bạch hóa, công khai hóa các hoạt động mua sắm công, đấu thầu theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị mình.

- Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về thái độ, trình độ, nhận thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu công việc trong hướng dẫn, xử lý hồ sơ cho người dân, doanh nghiệp. Có cơ chế kiểm tra, giám sát các bộ phận liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố đường dây nóng trên các phương tiện truyền thông, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để người dân, doanh nghiệp kịp thời phản ánh các bức xúc, khó khăn đến lãnh đạo tỉnh; phối hợp tham mưu chỉ đạo thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; nâng cao chất lượng công tác đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp, giải quyết thực chất, dứt điểm các vướng mắc của doanh nghiệp, công khai kết quả theo dõi, giám sát quá trình xử lý sau đối thoại với các doanh nghiệp và đề xuất nếu có bất cập trong quy định của pháp luật. Thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh trong việc thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước.

d) Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

6. Cải thiện chỉ số “Cạnh tranh bình đẳng”:

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện điểm số “Cạnh tranh bình đẳng”, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục VI - Phụ lục.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; đề xuất kịp thời các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp.

- Thực hiện sự bình đẳng, công bằng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, tiếp cận đất đai, tín dụng, công nghệ, giấy phép khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính, đấu thầu đảm bảo cạnh tranh công bằng, bình đẳng trước pháp luật. Bình đẳng trong giải quyết các vấn đề, khó khăn cho doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật về đấu thầu,

lựa chọn nhà đầu tư; đầu tư theo hình thức hợp tác công tư đảm bảo công khai, minh bạch.

b) Các Sở, ban, ngành, địa phương tập trung rà soát, minh bạch hóa và công khai theo quy định của pháp luật các bản đồ, quy hoạch sử dụng đất; kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng mới; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chính sách ưu đãi đầu tư; các thay đổi quy định về thuế; thủ tục đấu thầu..., qua đó nâng cao tính bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực của cộng đồng doanh nghiệp.

7. Cải thiện chỉ số “Tính năng động”:

a) Giao Văn phòng UBND tỉnh là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện chỉ số “Tính năng động”, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục VII - Phụ lục.

- Phối hợp cùng với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển kinh tế tư nhân, các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tạo sự tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp với sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả đường dây nóng của lãnh đạo UBND tỉnh về tiếp nhận thông tin, phản hồi từ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Tham mưu cho lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị xử lý kịp thời các đề xuất của nhà đầu tư, doanh nghiệp liên quan đến các ngành, địa phương. Chủ trì thống kê chi tiết nhiệm vụ do Lãnh đạo tỉnh giao các sở, ngành, địa phương và tiến độ thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh hàng tháng; trực tiếp làm việc với các cơ quan liên quan về kết quả thực hiện nhiệm vụ do Lãnh đạo tỉnh giao.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp chỉ đạo nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, thường xuyên tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

- Phối hợp với Sở Nội vụ kiểm tra thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với các cơ quan, đơn vị theo chức năng, thẩm quyền.

b) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức để lắng nghe ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, qua đó xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Yêu cầu tất các đơn vị phải có phản hồi chính thức với doanh nghiệp và phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo và thông tin kịp thời.

c) Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh chủ động đề xuất các biện pháp tăng cường đối thoại thực chất với các cơ quan, chủ động đề xuất các buổi đối thoại, tham vấn theo chủ đề, theo nhóm doanh nghiệp đặc thù.

d) Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh chủ động xây dựng các chương trình truyền thông định kỳ thông báo kịp

thời các nội dung và kết quả chương trình đối thoại giữa các cơ quan, đơn vị với người dân, doanh nghiệp.

e) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện tham vấn ý kiến doanh nghiệp trước khi tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có tác động đến doanh nghiệp; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự phát triển của doanh nghiệp.

8. Cải thiện chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”:

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện chỉ số “Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp”, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục VIII - Phụ lục.

- Phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông, Trường cao đẳng nghề dân tộc nội trú và các cơ quan liên quan thực hiện kết nối với doanh nghiệp, triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cụ thể: Hỗ trợ tư vấn pháp luật, tiếp cận các công cụ quản lý cho doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo; hỗ trợ về vay vốn; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường,... dưới nhiều hình thức và đảm bảo hiệu quả.

- Tiếp tục chủ trì tổng hợp kiến nghị doanh nghiệp, trả lời kiến nghị doanh nghiệp của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Tham mưu để UBND tỉnh tổ chức gặp mặt, đối thoại doanh nghiệp theo định kỳ nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Đặc biệt chú trọng công tác trả lời và công khai hóa kết quả xử lý các kiến nghị của doanh nghiệp trên nhiều kênh thông tin.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp tổ chức hiệu quả các hội chợ thương mại, xúc tiến thương mại (ít nhất 10 cuộc/năm) trên địa bàn tỉnh; xây dựng và tăng cường hiệu quả của cơ quan, đơn vị thực hiện trực tiếp cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh; chủ trì tham mưu xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành công nghiệp, thương mại phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh.

c) Sở Khoa học và Công nghệ tập trung triển khai cơ chế, chính sách khoa học, công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; khuyến khích và hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thúc đẩy mối liên kết giữa nhà khoa học - tổ chức khoa học công nghệ - doanh nghiệp - nhà nước - nông dân; thúc đẩy sáng kiến của người dân, doanh nghiệp.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; cung cấp thông tin, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

e) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục kiện toàn, trang bị dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trên website của từng cơ quan, đơn vị nhằm tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết khó khăn, vướng mắc nhanh chóng, hiệu quả. Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng nhu cầu cho

người dân, doanh nghiệp; thường xuyên tuyên truyền, rèn luyện tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhất là tinh thần phục vụ người dân và doanh nghiệp.

g) Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; biểu dương những cách làm hay, những sáng kiến hỗ trợ doanh nghiệp; phê phán tổ chức, các nhân gây khó khăn, sách nhiễu doanh nghiệp. Hỗ trợ công tác truyền thông về các sản phẩm, thương hiệu, marketing sản phẩm..., nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Tiếp nhận thông tin, theo dõi, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc và ý kiến của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

9. Cải thiện chỉ số “Đào tạo lao động”:

a) Giao Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện chỉ số “Đào tạo lao động”, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Thực hiện nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục IX - Phụ lục.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm, tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động; nghiên cứu đề xuất chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển dạy nghề; nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường lao động trong từng ngành, lĩnh vực; tổ chức khảo sát nắm chắc số lượng, cơ cấu, trình độ tay nghề nguồn lao động của tỉnh để kịp thời thông tin, khuyến cáo, định hướng hoạt động hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh cho phù hợp. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn lao động tỉnh và doanh nghiệp để cung ứng lực lượng lao động qua đào tạo giúp người lao động tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. củng cố các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn lao động kỹ thuật phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo ở các cấp trình độ, trang bị kiến thức, kỹ năng cho người học nghề.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh làm tốt công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh, giúp học sinh hiểu được hệ thống nghề nghiệp trong xã hội để chủ động lựa chọn nghề nghiệp cho phù hợp. Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, khuyến khích phát triển đa dạng cung ứng dịch vụ giáo dục đào tạo theo cơ chế thị trường gắn với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng và kết quả đầu ra.

10. Cải thiện chỉ số “Thiết chế pháp lý”:

a) Giao Sở Tư pháp là đầu mối theo dõi, tổng hợp về việc cải thiện chỉ số “Thiết chế pháp lý”, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Thực hiện nâng cao các tiêu chí thành phần theo nhiệm vụ phân công tại Mục X - Phụ lục.

- Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì, thực hiện hiệu quả quá trình xét xử đảm bảo đúng pháp luật; có kế hoạch hỗ trợ cụ thể các doanh nghiệp trong tỉnh

nắm bắt các chế độ, chính sách liên quan đến khiếu nại, tranh chấp giữa các doanh nghiệp, các nhà đầu tư.

- Sở Tư pháp tiếp tục nâng cao chất lượng thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, thực hiện đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thiết chế pháp lý theo quy định, đảm bảo chất lượng và hiệu quả; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh.

- Công an tỉnh đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trên địa bàn để nhà đầu tư yên tâm sản xuất, kinh doanh.

b) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào nhiệm vụ trong Kế hoạch, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức quán triệt, nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức đơn vị trong quá trình phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; khẩn trương chỉ đạo tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể tại đơn vị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến đơn vị mình về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và chỉ số PCI.

2. Căn cứ Kế hoạch này, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao, có giải pháp cụ thể, tổ chức thực hiện và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện đảm bảo hiệu quả; tổng hợp báo cáo hàng quý (trước ngày 25 của tháng cuối quý) và báo cáo năm (trước ngày 25/12) gửi đơn vị đầu mối và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để cả hệ thống chính trị tích cực tham gia hỗ trợ, giúp đỡ, đồng hành cùng doanh nghiệp, đồng thời tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, gây khó khăn, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động cụ thể; tăng cường phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh để tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách; đề xuất, kiến nghị tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Kạn chủ động tổ chức tuyên truyền Kế hoạch này để tạo đồng thuận trong xã hội về ý thức, trách nhiệm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh là tạo động lực trong phát triển toàn diện các mặt kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường tuyên truyền về cơ chế, chính sách, môi trường đầu tư của tỉnh, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp và người dân, sự nỗ lực của tỉnh trong cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp.

6. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối, có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện của các đơn vị; tổng hợp, đánh giá và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Đề xuất UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh nhằm đảm bảo Kế hoạch được thực hiện có hiệu quả.

7. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan làm đầu mối phụ trách nhóm chỉ số thành phần và các cơ quan phụ trách từng chỉ số cụ thể tại Phụ lục đính kèm. Đơn vị được giao làm đầu mối cải thiện chỉ số thành phần có trách nhiệm đăng ký chỉ số mục tiêu hàng năm; các sở, ban, ngành còn lại và UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị được giao làm đầu mối để thực hiện các chỉ tiêu trong chỉ số.

Trên đây là Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Bắc Kạn năm 2018 - 2019, yêu cầu các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy:

- Phòng TM&CN Việt Nam (b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;

Gửi bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- HU, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bắc Kạn; Đài PT-TH Bắc Kạn, Trung tâm CB-TH tỉnh;
- LĐVP, các CV NCTH;
- Lưu: VT, THVX (V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải



 (Ký) **THÀNH CÔNG** NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỀ CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI NĂM 2018 - 2019

 Kế hoạch số **477/KH-UBND** ngày **08/11/2018** của UBND tỉnh Bắc Kạn

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm xếp hạng năm 2016	Điểm-xếp hạng năm 2017	Chỉ số mục tiêu năm 2019	Đơn vị đầu mối/chức trị	Đơn vị tham gia	Nhiệm vụ phân công	Ghi chú
		8,11 điểm; hạng 53	6,25 điểm; Hạng 63	Trên 7,5 điểm	Số KH&ĐT đầu mối	Số KH&ĐT		
I Chỉ phí gia nhập thị trường								
1	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	7	7	02 ngày làm việc	Số KH&ĐT	Cục thuế tỉnh	Thực hiện hiệu quả hoạt động đăng ký kinh doanh theo quy trình hiện nay, tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp còn 02 ngày làm việc, triển khai thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp qua mạng.	
2	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)	5	11,50	03 ngày làm việc	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thông nhất một đầu mối là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ. Thẩm định hồ sơ dự án trong 12 ngày làm việc, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục sau khi đăng ký thành lập	
3	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)	22,86%	21,43%	10%	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố		
4	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (% DN)	8,57%	0%	0%	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp về ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, một cửa đăng ký kinh doanh, bưu điện)	Chỉ số mới năm 2017
5	TT lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, TTHQC, bưu điện (%))	60,27%	51,85%	trên 80%	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố	Niêm yết công khai toàn bộ thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa các số, ban, ngành và các trung tâm một cửa tại các huyện, thành phố.	
6	Thủ tục thay đổi ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai (%)	73,97%	88,89%	trên 95%	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên kiểm tra trình độ, mức độ am hiểu trình tự thủ tục hành chính, luật pháp liên quan của cán bộ làm việc tại bộ phận một cửa, đồng thời lựa chọn cán bộ làm việc tốt, có trách nhiệm và kinh nghiệm hướng dẫn, giải đáp để thực hiện các giao dịch với doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng, văn hóa ứng xử.	
7	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ (%)	42,47%	48,15%	trên 60%	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố	Nghiên cứu sử dụng thống nhất các ứng dụng công nghệ thông tin tại bộ phận một cửa, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh phương án ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo giải quyết nhanh chóng các TTHC và nhu cầu tra cứu thông tin cho DN và người dân.	
8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn (%)	50,68%	55,56%	trên 80%	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố		
9	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện (%)	35,62%	26,09%	trên 50%	Số KH&ĐT	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố		
10	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	5,82 điểm; hạng 29	5,13 điểm; hạng 62	Trên 6,0 điểm	Số TN&MT đầu mối	Cục thuế tỉnh		
II Tiếp cận đất đai								
1	TT lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (%)	62,71%	63,93%	70%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Công khai quá trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đất đai tại bộ phận một cửa, tru số Số TN&MT. Đồng thời thiết lập đường dây nóng tiếp nhận các thông tin về cần bộ những nhiều doanh nghiệp trong quá trình giải quyết thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chỉ số mới năm 2017
2	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDD (trung vị)	30	20		Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Kiểm toán Hội đồng bồi thường GPMB, hỗ trợ tái định cư các huyện, thành phố, Trung tâm phát triển quỹ đất. Hướng dẫn các nhà đầu tư, doanh nghiệp triển khai đưa đất vào sử dụng sau khi được nhà nước giao đất, cho thuê đất đảm bảo tiến độ sử dụng đất theo dự án đầu tư.	
3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	1,71	1,63	2,5	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Công khai quy hoạch điều chỉnh sử dụng đất 2016-2020; danh mục dự án thu hồi đất; kế hoạch xác định giá đất cụ thể, bảng giá các loại đất trên địa bàn; bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại trụ sở và trên trang thông tin của Số TNMT và UBND các huyện, thành phố.	
4	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	31,73%	26,47%	dưới 15%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố		

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm 2017	MỤC TIÊU ĐĂNG KÝ NĂM 2019			Đơn vị tham gia	Ghi chú
				Chỉ số mục tiêu năm 2019	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Đơn vị đầu mối		
5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)		36%	dưới 25%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác GPMB để đề xuất sửa đổi, bổ sung. Phối hợp tháo gỡ những vướng mắc trong công tác GPMB, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án cũng như tạo nhiều quỹ đất sạch có sẵn để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận. Hướng dẫn các nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện nhân quyền SDD thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch, kế hoạch SDD của tỉnh. Rà soát đánh giá, điều chỉnh và công khai bảng giá đất trên địa bàn tỉnh.	Chỉ số mới năm 2017
6	Giải phóng mặt bằng chậm (%)		28%	dưới 15%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Chỉ số mới năm 2017	
7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%)		30%	dưới 20%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Công khai quá trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến đất đai tại bộ phận một cửa, trụ sở TN&MT. Đồng thời, thiết lập đường dây nóng tiếp nhận các thông tin về các bộ phận nhiều DN trong quá trình giải quyết thủ tục cấp Giấy CN QSDĐ. Duy trì và công bố công khai đường dây điện thoại nóng của Sở TN&MT để tiếp nhận phản ánh và hướng dẫn, giải đáp cho doanh nghiệp về lĩnh vực đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.	Chỉ số mới năm 2017
8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	25,45%	26,32%	35%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Áp dụng đúng cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định	
9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% đồng ý)	74,03%	74,36%	80%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Thường xuyên theo dõi, cập nhật biến động về giá đất trên thị trường, kịp thời đề xuất, xây dựng điều chỉnh bảng giá đất theo quy định	
10	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	28,57%	12,50%	40%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai và cung cấp thông tin đất đai, tài sản gắn liền đất; thực hiện chủ động đăng ký đất đai, cấp giấy CNQSD đất thông qua dịch vụ công, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin đất đai.	
11	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cán bộ nhũng nhiễu (%)	18,92%	27,59%	15%	Số TN&MT	UBND các huyện, thành phố		
III	Tình minh bạch	6,36 điểm; hạng 20	6,65 điểm; hạng 11	Trên 7,5 điểm	Số TT-TT đầu mối			
1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất dễ, 5=Không thể)	2,46	2,56	2.00	Số TT-TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Công khai, minh bạch, phổ biến các tài liệu của Trung ương, của tỉnh, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, quy hoạch ngành. Đồng thời, công khai thông tin về cán bộ chịu trách nhiệm giải thích, hướng dẫn, tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, kiến nghị của DN trên cổng thông tin điện tử của đơn vị mình.	
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ, 5=Không thể)	3,16	3,16	2.00	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Công khai 100% tài liệu liên quan như: Luật, nghị định, các văn bản hướng dẫn của các cấp trung ương, công báo tỉnh, biểu mẫu thủ tục hành chính... trên website của tỉnh, của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố.	
3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	75%	80%	trên 90%	Số Tài chính	Cục thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Tiếp tục công bố đầy đủ, chi tiết các tài liệu về ngân sách tỉnh, của huyện trên website của tỉnh, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, các huyện, thành phố để doanh nghiệp nghiên cứu sử dụng cho hoạt động kinh doanh.	
4	Thông tin mới thu được công khai (%)		48,57%	trên 60%	Số KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các chủ đầu tư XD CB	Thực hiện công khai thông tin mới thu được các dự án theo đúng quy định. Tiếp tục tổng hợp, cập nhật định kỳ các tài liệu quy hoạch, kế hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, sản phẩm; bố trí thực hiện chính thức ngành, từng cấp; danh mục các dự án kêu gọi thu hút đầu tư; giới thiệu tiềm năng, lợi thế, cơ hội đầu tư; tình hình kinh tế - xã hội... để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.	Chỉ số mới năm 2017

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm 2017	MỤC TIÊU ĐĂNG KÝ NĂM 2019			Ghi chú
				Chỉ số mục tiêu năm 2019	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Đơn vị tham gia	
5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CONN của tỉnh cung cấp (%)	72,73%	85,71%	trên 90%	VP UBND tỉnh		Thiệt lập và công khai số điện thoại, đường dây nóng tiếp nhận các phản ánh của DN và việc không thể tiếp cận các tài liệu liên quan đến quy hoạch, kế hoạch, phân lý. Tham mưu UBND tỉnh xử lý nghiêm các trường hợp cần bộ không cung cấp thông tin.
6	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vi)		5,00	4	VP UBND tỉnh		
7	Cần có mối quan hệ để có được các tài liệu của tỉnh (%)	66,23%	71,08%	dưới 50%	Sở TT-TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố công khai minh bạch các chính sách hỗ trợ với cộng đồng doanh nghiệp về quy hoạch, kế hoạch, tài liệu ngân sách, thủ tục hành chính
8	Thỏa thuận/ khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công việc quan trọng (%)	34,21%	47,22%	dưới 30%	Cục Thuế tỉnh		Đẩy mạnh công tác công khai, minh bạch thủ tục hành chính và chính sách về thuế, nhất là chính sách giảm thuế, giảm thuế cho doanh nghiệp, đa dạng hình thức hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cấp nhất kịp thời các chính sách thuế và thực hiện đúng quy định; tiếp tục xây dựng môi trường quản lý thuế điện tử trong hệ thống thuế và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP về Chính phủ điện tử ngành thuế như: khai thuế, nộp thuế điện tử; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cải cách thủ tục hành chính ngành thuế; khuyến khích người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử và áp dụng hoàn thuế qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế.
9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QĐPL của Trung ương (% chắc chắn)	9,09%	4,48%	trên 20%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
10	Vai trò Hiệp hội DN trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (% lớn/vất lớn)	31,67%	31,91%	trên 40%	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, Hiệp hội DN tỉnh	Tham vấn ý kiến doanh nghiệp trước khi xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có tác động đến doanh nghiệp; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở các hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự phát triển của doanh nghiệp; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phát huy vai trò tổ chức xã hội nghề nghiệp trong việc chuyển tải thông tin hai chiều giữa cộng đồng doanh nghiệp với cơ quan nhà nước
11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	31,5	34,50	50	Sở TT-TT, Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tăng cường, nâng cao chất lượng hoạt động trang thông tin điện tử của các sở, ngành và địa phương; tăng cường, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động; nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân, doanh nghiệp; khuyến khích ứng dụng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong thời gian tới
12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	82,43%	84,71%	trên 90%	Sở TT-TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
IV Chi phí thời gian		6,06 điểm; hạng 49	4,83 điểm; hạng 63	Trên 6,0 điểm	Văn phòng UBND tỉnh đầu mối		
1	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện quy định pháp luật (%)	38,36%	36,78%	trên 45%	Sở Tư pháp		Thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, hộ kinh doanh về các quy định của Trung ương, các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách do ban tình ban hành, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tuyên truyền, phổ biến các Luật, văn bản QĐPL liên quan đến đầu tư, kinh doanh.
2	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	58,02%	65,12%	trên 75%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN		Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm 2017	MỤC TIÊU ĐĂNG KÝ NĂM 2019			Ghi chú
	Chỉ số không chính thức	Chỉ số mục tiêu năm 2019			Đơn vị đầu mối/chủ trì	Đơn vị tham gia		
	3	CBCC thân thiện (%)	65%	66,67%	trên 70%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Nghiên cứu phương án chấm điểm cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp.
	4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	57,69%	43,53%	trên 60%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Công bố, niêm yết công khai quy trình giải quyết các thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, cắt giảm số lượng, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính.
	5	Thủ tục giấy tờ đơn giản (%)	55,70%	45,35%	trên 60%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Công bố, niêm yết công khai phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính.
	6	Phi, lệ phí được niêm yết công khai (%)	87,65%	89,29%	trên 95%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Rà soát giám thời gian thực hiện thủ tục hành chính để có bước đột phá trong giải quyết thủ tục hành chính so với quy định. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" tại tất cả các sở, ban, ngành và UBND các cấp, đảm bảo cải cách hành chính mang lại hiệu quả thiết thực và sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp
	7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)		59,30%	trên 70%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Phối hợp chặt chẽ, thống nhất chương trình thanh tra hàng năm đối với doanh nghiệp, mỗi năm một doanh nghiệp chỉ phải tiếp, làm việc với một đoàn thanh tra trừ trường hợp thanh tra đột xuất khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Giám phiên hà và giám nặng thanh tra, kiểm tra cho doanh nghiệp; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo đúng các văn bản chỉ đạo của tỉnh. Công khai kế hoạch thanh, kiểm tra hàng năm đối với doanh nghiệp trên Công thông tin điện tử tỉnh và Công thông tin điện tử Thanh tra tỉnh
	8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm (%)		15,29%	dưới 5%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Duy trì hiệu quả quá trình thanh tra, kiểm tra thuế đảm bảo số giờ thanh tra, kiểm tra thuế.
	9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)		21,13%	dưới 10%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Chấn chỉnh, nâng cao trách nhiệm công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; ngăn chặn tình trạng những nhiều, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân của cán bộ, công chức. Xây dựng kênh thông tin tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về tổ cáo hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp
	10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế	20	24	17	Cục Thuế tỉnh		Chỉ số mới năm 2017
	11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN (%)		20,31%	dưới 10%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Chỉ số mới năm 2017
V		Chỉ phí không chính thức	4,60 điểm; hạng 55	4,28 điểm; hạng 57	Trên 5,0	Sở Nội vụ đầu mối		
	1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% đồng ý)	59,26%	62,79%	dưới 50%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	* Đối với Sở Nội vụ: - Mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trách nhiệm đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là những công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhân, trả kết quả và giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. - Tăng cường công tác thanh tra và thường xuyên kiểm tra đột xuất việc tiếp nhân, trả kết quả và giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, trong tâm là các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng và đăng ký kinh doanh để kịp thời phát hiện công chức, viên chức có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.
	2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% luôn luôn/hầu hết)	56,92%	68,00%	trên 75%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	- Xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có thái độ hách dịch, nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính.
	3	Tình trạng những nhiều khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% đồng ý)	56,65%	59,52%	dưới 40%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
	4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% đồng ý)	69,53%	77,65%	trên 90%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm 2017	MỤC TIÊU ĐĂNG KÝ NĂM 2019			Ghi chú
				Chỉ số mục tiêu năm 2019	Đơn vị đầu mối/chức trí	Đơn vị tham gia	
5	Tỷ lệ DN có chi trả CPKCTT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)		51,95%	dưới 30%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	<p>Nhiệm vụ phân công</p> <p>* Đối với các đơn vị: - Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các văn bản về phòng chống tham nhũng cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan. - Thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng của tỉnh. Đồng thời, kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức, viên chức có sai phạm trong giải quyết công việc. Xử lý nghiêm những công chức, viên chức có thái độ với việc, hạch dịch, những nhiều, gây khó khăn, phiền hà cho tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTTHC trong lĩnh vực đất đai</p>
6	Tỷ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCTT (%)	20%	24,36%	dưới 10%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
7	Tỷ lệ DN có chi trả CPKCTT trong thực hiện TTTHC đất đai (%)		57,14%	dưới 40%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	
8	Chi trả CPKCTT là điều bắt buộc để đảm bảo trạng thái (% đồng ý)		45,71%	dưới 30%	Sở TT-TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
9	DN lo ngại tình trạng 'chạy an' là phổ biến (%)		37,25%	dưới 20%	Sở TT-TT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
VI Cảnh tranh bình đẳng		5,72 điểm; hạng 10	6,42 điểm; hạng 01	Trên 7,0 điểm	Sở KH&ĐT	Sở KH&ĐT	
1	Việc tinh ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN" (% Đồng ý)	33,85%	28,17%	dưới 25%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	14,93%	22,97%	dưới 20%	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố	
3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	23,88%	22,97%	dưới 40%	Ngân hàng Nhà nước	Các ngân hàng thương mại	
4	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	26,87%	17,57%	dưới 20%	Sở TN&MT	Sở KH&ĐT, Sở Công thương	
5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTTHC (% Đồng ý)	14,93%	16,22%	dưới 15%	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	31,34%	18,92%	dưới 10%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
7	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	39,59%	30,77%	dưới 20%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
8	Tình ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	30,99%	28,95%	dưới 20%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
9	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	18,31%	15,79%	dưới 15%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thành phố	
10	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)	9,86%	13,16%	dưới 10%	Cục thuế tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
11	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTTHC (% Đồng ý)	12,68%	11,84%	dưới 12%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
12	DN FDI trong hoạt động nhân được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)	18,31%	18,42%	dưới 15%	Sở KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm 2017	MỤC TIÊU ĐĂNG KÝ NĂM 2019			Ghi chú
				Chỉ số mục tiêu năm 2019	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Đơn vị tham gia	
13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	76,81%	70,83%	dưới 60%	Số KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Nhiệm vụ phân công
14	Ưu đãi DN lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	61,76%	54,93%	dưới 40%	Số KH&ĐT	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	
VII	Tính năng động	4,29 điểm; hạng 49	4,15 điểm; hạng 61	Trên 5,0 điểm	VP UBND tỉnh		Tham mưu UBND tỉnh giải quyết kịp thời 100% kiến nghị của DN, nhà đầu tư. Chú trọng để xuất UBND tỉnh cơ chế, chính sách linh hoạt và giải pháp tháo gỡ trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.
1	UBND tỉnh vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN (%)	65,71%	62,82%	trên 75%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Tích cực tham mưu UBND tỉnh giải quyết một cách sáng tạo, năng động đối với những vấn đề phát sinh mới, làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh và cản trở doanh nghiệp.
2	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	45,59%	42,86%	trên 60%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển kinh tế tư nhân, các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, tạo sự tin tưởng của cộng đồng doanh nghiệp với sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền tỉnh
3	Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN là tích cực (%)	38,46%	40,00%	trên 50%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Chủ động thực hiện có hiệu quả các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh đối với các lĩnh vực có liên quan đến hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Chủ động tham mưu để xuất kiến nghị Trung ương xem xét, sửa đổi, giải quyết trong thời gian sớm nhất tạo thuận lợi doanh nghiệp triển khai dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh. Triển khai thực hiện có hiệu quả đường dây nóng của lãnh đạo UBND tỉnh về tiếp nhận thông tin, phản hồi từ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Tham mưu cho lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị xử lý kịp thời các đề xuất của nhà đầu tư, doanh nghiệp liên quan đến các ngành, địa phương. Thông kê chi tiết nhiệm vụ do Lãnh đạo tỉnh giao các sở, ngành, địa phương và tiến độ thực hiện, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh hàng tháng. Chủ động tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp chỉ đạo nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, thường xuyên tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết đối với các nội dung vượt thẩm quyền. Kiểm tra thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với các cơ quan, đơn vị theo chức năng, thẩm quyền. Định kỳ tổ chức đối thoại với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức phong phú để lắng nghe ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, qua đó xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
4	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành (%)	72,46%	73,97%	dưới 50%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành	Chi số mới năm 2017
5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị (%)	51,47%	50,72%	dưới 40%	VP UBND tỉnh	UBND các huyện, thành phố	Chi số mới năm 2017
6	Khi CS, PL TW có điểm chưa rõ, cơ quan tỉnh thường "đợi xin ý kiến chỉ đạo" (không làm gì cả)	48,89%	36,73%	dưới 25%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Chi số mới năm 2017
7	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN (%)		58,33%	trên 70%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Chi số mới năm 2017
8	DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc (%)		84,62%	trên 90%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Chi số mới năm 2017
9	Ti lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của CQNN tỉnh (%)		71,43%	trên 85%	VP UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Chi số mới năm 2017
VIII	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	4,66 điểm; hạng 58	6,32 điểm; hạng 41	Trên 7,0 điểm	Số KH&ĐT đầu mối		
1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua	6	4	10	Số Công thương	Các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố	Tổ chức hiệu quả các hội chợ thương mại, xúc tiến thương mại (ít nhất 10 cuộc/năm) trên địa bàn tỉnh
2	Ti lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (% TCKT)	0,74%	0,88%	trên 2%	Số KH&ĐT	Sở Công thương	Thực hiện các giải pháp khuyến khích các DN tham gia hoạt động cung cấp dịch vụ trên địa bàn.
3	Ti lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (% TCTK)	0%	25,00%	Trên 35%	Số KH&ĐT	Sở Công thương	

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm 2017	MỤC TIÊU ĐĂNG KÝ NĂM 2019			Chí chú
				Chỉ số mục tiêu năm 2019	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Đơn vị tham gia	
4	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	35,19%	52,63%	trên 65%	Sở Công Thương	Sở KH&ĐT	<p>Nhiệm vụ phân công</p> <p>Tham mưu cơ chế, chính sách linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy DN sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại từ nội địa, DN có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>Xây dựng và khai thác các cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của DN. rà soát, cập nhật thường xuyên văn bản QPPL của TW, UBND tỉnh ban hành về kinh doanh, các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động của DN; giới thiệu, khuyến cáo DN thực thi pháp luật trong hoạt động kinh doanh; giới thiệu các Điều ước quốc tế về thương mại mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia, cung cấp thông tin về chương trình hỗ trợ pháp lý cho DN trên công thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.</p> <p>Phổ biến các loại tài liệu giới thiệu văn bản QPPL liên quan đến hoạt động của DN; tài liệu bồi dưỡng pháp luật về kinh doanh cho các đối tượng quản lý DN; can bộ làm công tác pháp chế tại DN. Giải đáp và tư vấn pháp luật cho DN theo phạm vi quản lý ngành có liên quan đến hoạt động của DN, triển khai hoạt động thiết lập mạng lưới tư vấn pháp luật cho DN nhỏ và vừa; kịp thời giải đáp các vướng mắc của DN về những quy định của pháp luật kinh doanh.</p> <p>Phối hợp, hỗ trợ tổ chức xây dựng và phát sóng các chuyên mục hỗ trợ pháp lý cho DN trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong tâm là các thông tin pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập, nhất là hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh trong nước và các cam kết quốc tế tác động trực tiếp đến DN. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho DN, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật cho cán bộ pháp chế các DN trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Kết nối với doanh nghiệp, triển khai thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cụ thể: Hỗ trợ tư vấn pháp luật, tiếp cận các công cụ quản lý cho doanh nghiệp; hỗ trợ đào tạo; hỗ trợ về vay vốn; xúc tiến thương mại; mở rộng thị trường... dưới nhiều hình thức và đảm bảo hiệu quả</p> <p>Xây dựng và tăng cường hiện quả của cơ quan, đơn vị thực hiện trực tiếp cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh; xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành công nghiệp, thương mại phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh</p> <p>Triển khai tốt các dịch vụ công nghệ để cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho các doanh nghiệp dân doanh. Thường xuyên nghiên cứu cải thiện, nâng cao chất lượng những dịch vụ cung ứng để doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ nêu trên</p>
5	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	31,58%	75,00%	Trên 85%	Sở Công Thương	Sở KH&ĐT	
6	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	84,21%	85,00%	trên 95%	Sở Công Thương	Sở KH&ĐT	
7	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	40%	40%	trên 50%	Sở Tư pháp	Sở KH&ĐT	
8	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	22,73%	58,33%	trên 70%	Sở Tư pháp	Sở KH&ĐT	
9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL (%)	86,36%	91,67%	trên 93%	Sở Tư pháp	Sở KH&ĐT	
10	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (DTKD) (%)	40%	40,63%	trên 50%	Sở KH&ĐT	Sở Công Thương	
11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm DTKD (%)	40%	92,31%	trên 95%	Sở KH&ĐT	Sở Công Thương	
12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm DTKD (%)	72,73%	92,31%	trên 95%	Sở KH&ĐT	Sở Công Thương	
13	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	18,52%	42,86%	trên 55%	Sở Công Thương	Sở KH&ĐT	
14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	0%	83,33%	trên 90%	Sở Công Thương	Sở KH&ĐT	
15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM (%)	60%	83,33%	trên 90%	Sở Công Thương	Sở KH&ĐT	
16	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	27,45%	54,55%	trên 65%	Sở KH-CN	Sở KH&ĐT, Sở Công Thương	
17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	28,57%	83,33%	trên 90%	Sở KH-CN	Sở KH&ĐT, Sở Công Thương	
18	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	71,43%	66,67%	trên 80%	Sở KH-CN	Sở KH&ĐT, Sở Công Thương	

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm 2017	MỤC TIÊU ĐĂNG KÝ NĂM 2019			Ghi chú
				Chỉ số mục tiêu năm 2019	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Đơn vị tham gia	
19	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTTC)(%)	32,73%	54,55%	trên 65%	Sở Tài chính	Trường CĐ nghề DTNT	Cùng cố và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo cung cấp dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính đảm bảo cung ứng nguồn lao động đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.
20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về KTTTC (%)	27,78%	66,67%	trên 75%	Sở Tài chính	Trường CĐ nghề DTNT	
21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTTC (%)	61,11%	66,67%	trên 80%	Sở Tài chính	Trường CĐ nghề DTNT	
22	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	23,21%	57,14%	trên 65%	Sở KH&ĐT	Trường CĐ nghề DTNT	
23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	15,38%	50%	trên 65%	Sở KH&ĐT	Trường CĐ nghề DTNT	
24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD (%)	53,85%	50%	trên 65%	Sở KH&ĐT	Trường CĐ nghề DTNT	
IX	Đào tạo lao động	5,07 điểm; hạng 56		Trên 7,0 điểm	Sở Lao động TBXH đầu mối	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	Thực hiện tốt nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
		43,04%		trên 60%	Sở GD-ĐT	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh công tác tuyển sinh dạy nghề; gắn đào tạo nghề với tư vấn, giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động mất việc làm do ảnh hưởng suy thoái kinh tế hoặc chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm theo quy định.
		22,78%		trên 45%	Sở Lao động TBXH	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	Xây dựng Kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm; đẩy mạnh cung cấp thông tin về thị trường lao động, tăng sản xuất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp tham gia các phiên giao dịch việc làm và người lao động đến kết nối việc làm.
		9,43%		trên 65%	Sở Lao động TBXH		Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo nghề; gắn đào tạo nghề với tư vấn, giải quyết việc làm cho người lao động và nhu cầu của doanh nghiệp.
		20%		trên 60%	Sở Lao động TBXH		Xây dựng Kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm; đẩy mạnh cung cấp thông tin về thị trường lao động, tăng sản xuất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp tham gia các phiên giao dịch việc làm và người lao động đến kết nối việc làm.
		60%		trên 75%	Sở Lao động TBXH		Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo nghề; gắn đào tạo nghề với tư vấn, giải quyết việc làm cho người lao động và nhu cầu của doanh nghiệp.
		5,62%		dưới 3%	Sở Lao động TBXH		Xây dựng Kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm; đẩy mạnh cung cấp thông tin về thị trường lao động, tăng sản xuất tổ chức các phiên giao dịch việc làm, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp tham gia các phiên giao dịch việc làm và người lao động đến kết nối việc làm.
		3,11%		dưới 2%	Sở Lao động TBXH		Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu thị trường lao động trong từng ngành, lĩnh vực; tổ chức khảo sát nắm chắc số lượng, cơ cấu, trình độ tay nghề nguồn lao động của tỉnh để kịp thời thông tin, khuyến cáo, định hướng hoạt động hệ thống cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh cho phù hợp. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn lao động tỉnh và doanh nghiệp để cung ứng lực lượng lao động qua đào tạo giúp người lao động tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. Cùng cố các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn lao động kỹ thuật phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo ở các cấp trình độ, trang bị kiến thức, kỹ năng cho người học nghề.
		83,56%		trên 90%	Sở Lao động TBXH		
		2,54%		trên 6%	Sở Lao động TBXH		
		8,81%		trên 15%	Sở Lao động TBXH		
57,7%		trên 60%	Sở Lao động TBXH				

TT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	Điểm, xếp hạng năm 2016	Điểm, xếp hạng năm /2017	MỨC TIÊU DẪNG KỶ NĂM 2019			Đơn vị tham gia	Đơn vị đầu mối/chủ trì	Đơn vị tham gia	Nhiệm vụ phân công	Ghi chú
				Chỉ số mục tiêu năm 2019	Số T.ư pháp đầu mối	Số T.ư pháp					
X	Thiết chế pháp lý	5,61 điểm; hạng 28	6,06 điểm; hạng 25	Trên 6,8 điểm	Số T.ư pháp đầu mối						
1	Tin tưởng hệ thống pháp luật sẽ đảm bảo quyền tài sản/thực thi hợp đồng của DN(%)	90,67%	85,53%	trên 95%	Số T.ư pháp	UBND các huyện, thành phố			Thực hiện cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để đảm bảo mọi phần ảnh. Khiếu kiện của DN, người dân đều được ghi nhận, giải quyết kịp thời và trả lời cho DN. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Xây dựng kênh thông tin tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về tố cáo hành vi những nhiều, gây khó khăn cho doanh nghiệp		
2	Hệ thống pháp luật (HTPL) có cơ chế giúp DN từ cáo cáo bộ những nhiều(%)	34,72%	30,00%	trên 50%	Số T.ư pháp	UBND các huyện, thành phố					
3	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN(%)		36,49%	trên 50%	Số Nội vụ	UBND các huyện, thành phố					Chỉ số mới năm 2017
4	DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	49,33%	36,25%	Trên 55%	Tòa án nhân dân						
5	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật(%)	91,55%	88,41%	trên 95%	Tòa án nhân dân				Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định.		
6	Phán quyết của Tòa án là công bằng (%)	89,86%	81,69%	trên 95%	Tòa án nhân dân						
7	Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	68,12%	68,12%	trên 80%	Tòa án nhân dân				Đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự để DN tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật.		
8	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (%)	73,53%	70,59%	trên 80%	Tòa án nhân dân						
9	Các CO trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	65,67%	70,42%	trên 80%	Số T.ư pháp				Nâng cao chất lượng thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định, thực hiện đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, thiết chế pháp lý theo quy định, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh		
10	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi QĐTC qua Tòa án(%)	72,31%	72,73%	trên 85%	Tòa án nhân dân						
11	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án thụ lý/100 DN (TATC)	0,49%	0%		Tòa án nhân dân				Nâng cao chất lượng quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án và xét xử trong thời hạn luật định. Thực hiện hiệu quả quá trình xét xử đảm bảo đúng pháp luật		
12	Ti lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Tòa án tỉnh (%), TATC)	28,57%	0%		Tòa án nhân dân						
13	Ti lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm(%), TATC)	64%	58,82%	Trên 80%	Tòa án nhân dân						Chỉ số mới năm 2017
14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt(%)		64,29%	Trên 80%	Công an tỉnh	UBND các huyện, thành phố					Chỉ số mới năm 2017
15	Ti lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)		4,71%	dưới 4%	Công an tỉnh	UBND các huyện, thành phố			Đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trên địa bàn để nhà đầu tư yên tâm sản xuất, kinh doanh		Chỉ số mới năm 2017
16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)		66,67%	Trên 80%	Công an tỉnh						Chỉ số mới năm 2017
17	Phải trả tiền bảo kê cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)		1,28%	dưới 1%	Công an tỉnh	Các số, ngành, UBND các huyện, thành phố					Chỉ số mới năm 2017
	CHỈ SỐ PCI	54,6 điểm; hạng 60	58,82 điểm; hạng 59	Hạng 54 - 49							

